**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II, ĐỊA LÍ KHỐI 10**

**I. LÝ THUYẾT (7 điểm)**

**Bài 20: CƠ CẤU DÂN SỐ**

**Câu 1: Trình bày khái niệm, ý nghĩa của cơ cấu dân số theo tuổi?**

- Khái niệm:Cơ cấu dân số theo độ tuổi là tập hợp những nhóm người được sắp xếp theo những nhóm tuổi nhất định.

- Ý nghĩa cơ cấu dân số theo tuổi:Thể hiện được tổng hợp tình hình sinh, tử, tuổi thọ, khả năng phát triển nguồn dân số (dân số già, trẻ, dân số “vàng”) và nguồn lao động.

**Câu 2: Để xác định cơ cấu theo trình độ văn hóa dựa trên tiêu chí nào? Cho biết đặc điểm của cơ cấu dân số theo trình độ văn hóa?**

- Tiêu chí:thể hiện qua

+ Tỉ lệ người biết chữ (của nhóm dân số từ 15 tuổi trở lên)

+ Số năm đi học trung bình (của nhóm dân số từ 25 tuổi trở lên)

- Đặc điểm:

+ Phản ánh trình độ dân trí và trình độ học vấn của dân cư.

+ Là thước đo quan trọng phản ánh chất lượng dân số của một khu vực, một quốc gia

Bài 21: PHÂN BỐ DÂN CƯ VÀ ĐÔ THỊ HÓA TRÊN THẾ GIỚI

**Câu 3: Những tác động tích cực của đô thị hóa đến kinh tế- xã hội và môi trường?**

- Đối với kinh tế- xã hội:

+ Đô thị hóa góp phần đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế, làm chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

+ Tạo việc làm, tăng thu nhập,nâng cao chất lượng cuộc sống dân cư…

- Đối với môi trường:

+ Đô thị hóa mở rộng không gian đô thị và cải thiện cơ sở hạ tầng, hình thành môi trường đô thị hiện đại.

+ Thực hiện quy định về vệ sinh môi trường đô thị.

**Bài 23: NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN KINH TẾ**

**Câu 4: Cho biết cách phân loại nguồn lực** ? **Nguồn lực trong nước, nguồn lực ngoài nước có vai trò như thế nào?**

- Dựa vào nguồn gốc phân loại thành: nguồn lực vị trí địa lí, tự nhiên, kinh tế- xã hội

- Dựa vào phạm vi lãnh thổ phân loại thành: nguồn lực trong nước, nguồn lực ngoài nước.

- Vai trò

+ Nguồn lực bên trong, có vai trò quyết định đối với sự phát triển kinh tế của một lãnh thổ .

+ Nguồn lực bên ngoài có vai trò quan trọng trong từng giai đoạn lịch sử cụ thể.

**BÀI 26: ĐỊA LÍ CÁC NGÀNH NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN**

**Câu 5: Kể tên các loại cây lương thực chính? Đặc điểm sinh thái và sự phân bố của cây lúa gạo?**

- Các loại cây lương thực chính: lúa gạo, lúa mì, ngô.

- Đặc điểm sinh thái cây lúa gạo: Phát triển trong điều kiện khí hậu nóng, ưa ẩm, đất phù sa và cần nhiều phân bón.

- Sự phân bố:

+ Là cây lương thực chính của miền nhiệt đới (đặc biệt là Châu Á gió mùa).

+ Các nước trồng nhiều: Trung Quốc, ấn Độ, In- đô – nê- xi-a, Việt Nam, Thái Lan…

**Câu 6: Vai trò của ngành chăn nuôi?**

- Là ngành quan trọng trong nền nông nghiệp hiện đại.

- Cung cấp thực phẩm có giá trị dinh dưỡng cao cho con người như: thịt, trứng, sữa,…

- Cung cấp nguyên liệu cho các ngành công nghiệp.

- Tạo mặt hàng xuất khẩu thu ngoại tệ, tăng GDP đất nước

- Chăn nuôi kết hợp trồng trọt góp phần sử dụng hợp lí tài nguyên môi trường, tạo nên nền nông nghiệp bền vững.

**Câu 7: Sự phân bố của ngành lâm nghiệp?**

+ Hiện nay, thế giới có 4,06 tỉ ha với độ che phủ 31% . Diện tích rừng có xu hướng giảm vì vậy trồng rừng là vấn đề cấp bách được nhiều nước chú trọng.

+ Các quốc gia có diện tích rừng lớn nhất là: Trug Quốc, Ấn Độ, Nga, Hoa Kì….

+ Các quốc gia có diện tích rừng trồng lớn nhất là: Trug Quốc, Ấn Độ, Nga, Hoa Kì….

**BÀI 27: TỔ CHỨC LÃNH THỔ NÔNG NGHIỆP, VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HIỆN ĐẠI VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP.**

**Câu 8: Định hướng phát triển nông nghiệp trong tương lai?**

- Xu hướng chung:Phát triển nông nghiệp bền vững.

- Hướng phát triển:

+ Nông nghiệp xanh: tối đa hoá cơ hội khai thác các nguồn tài nguyên sạch, xây dựng mô hình nông nghiệp tăng trưởng bền vững gắn với bảo vệ môi trường.

+ Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: sử dụng tiết kiệm tài nguyên, tăng năng suất và sản lượng nông sản, hạn chế sức lao động của con người.

**II. THỰC HÀNH (3 điểm)**

**Câu 1 (2 điểm) Cho bảng số liệu: DIỆN TÍCH, DÂN SỐ THẾ GIỚI VÀ CÁC CHÂU LỤC NĂM 2005.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Châu lục** | **Diện tích (triệu km2)** | **Dân số (triệu người)** |
| Châu Phi | 30,3 | 906 |
| Châu Mĩ | 42,0 | 888 |
| Châu Á (trừ LB Nga) | 31,8 | 3920 |
| Châu Âu (kể cả LB Nga) | 23,0 | 730 |
| Châu Đại Dương | 8,5 | 33 |

a. Tính mật độ dân số của các châu lục năm 2005? (yêu cầu phải viết được công thức khi tính không có công thức – 0,25đ) 0,5đ

b. Vẽ biểu đồ thể hiện mật độ dân số của các châu lục năm 2005? 1đ

c. Nhận xét qua biểu đồ đã vẽ? 0,5đ

**Câu 2 (1 điểm) : Dựa vào bảng số liệu dưới đây**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2009** | **2011** | **2013** | **2015** |
| Tỉ suất sinh thô (%0) | 17,6 | 16,6 | 17,0 | 16,2 |
| Tỉ suất tử thô (%0) | 6,8 | 6,9 | 7,1 | 6,8 |

Tính tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên của nước ta giai đoạn 2009-2015 (*Yêu cầu phải viết cả công thức tính) không có công thức – 0,25đ.*

**HẾT**